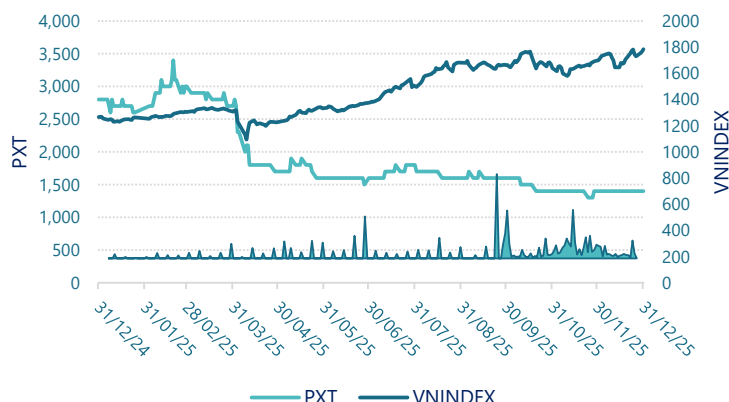


CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (UPCOM: PXT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,255
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
P/E	15.5
EPS	90

DT thuần

Q4/25

64.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.3 | 690%

YoY: ▲ 44.0 | 214%

LN sau thuế

Q4/25

0.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.29 | 143%

YoY: ▲ 0.08 | 18.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.1%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2025

116

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.0 | 15.8%

LN sau thuế

2025

1.80

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.58 | 47.6%

ROE

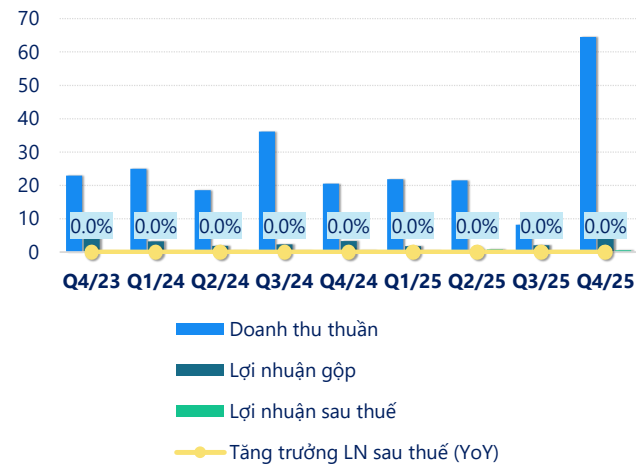
2025

3.2%

+/- YoY: ▲ 1.0%

tỷ VNĐ

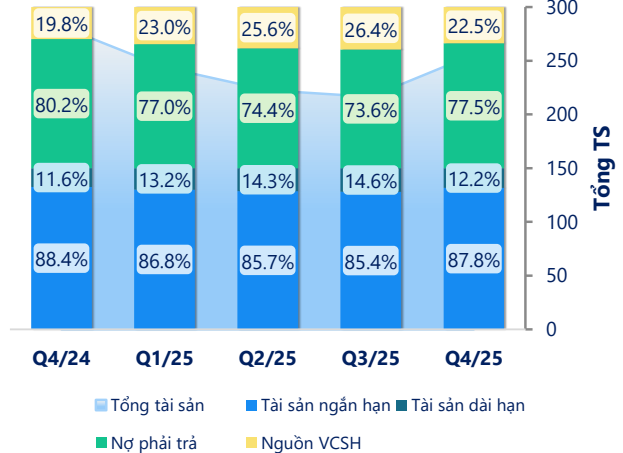
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

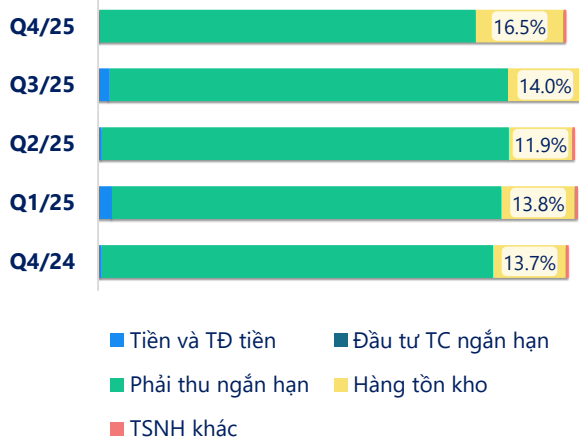
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



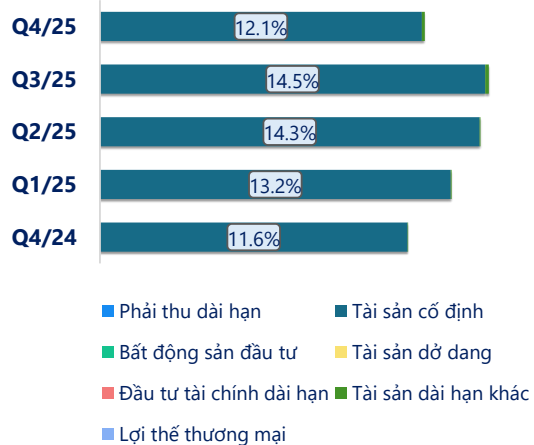
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

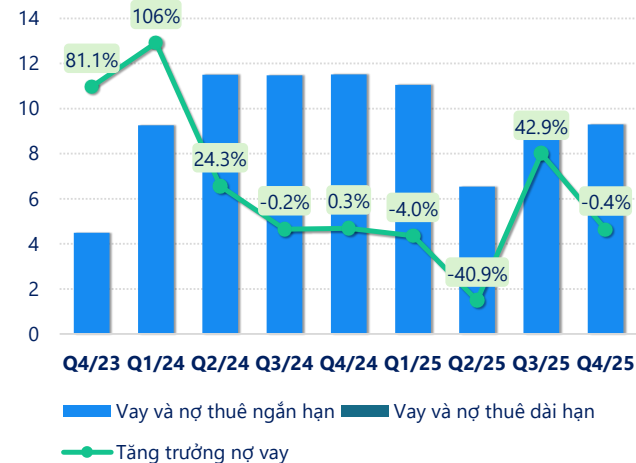
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

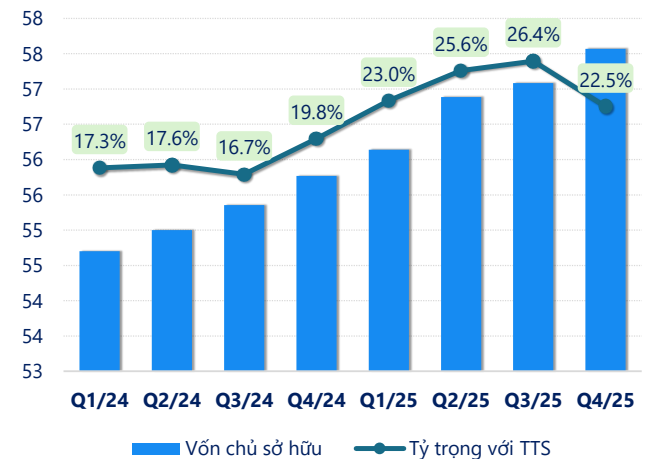
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

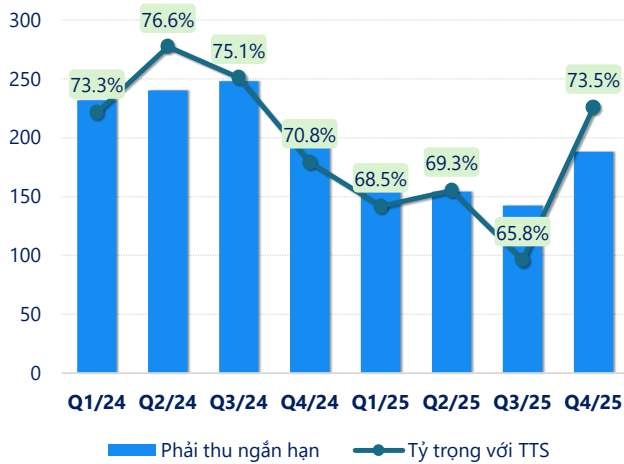
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



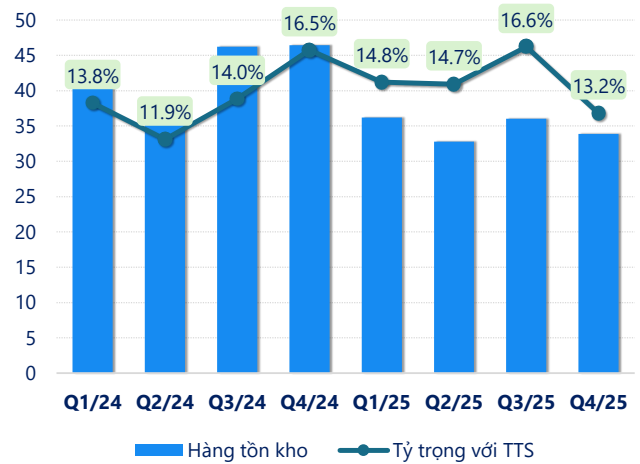
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


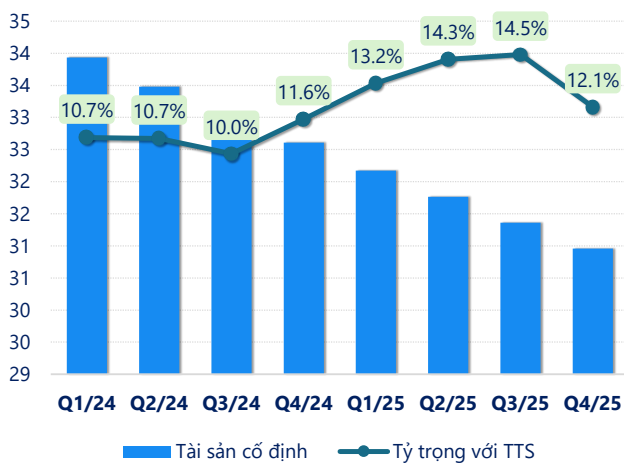
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


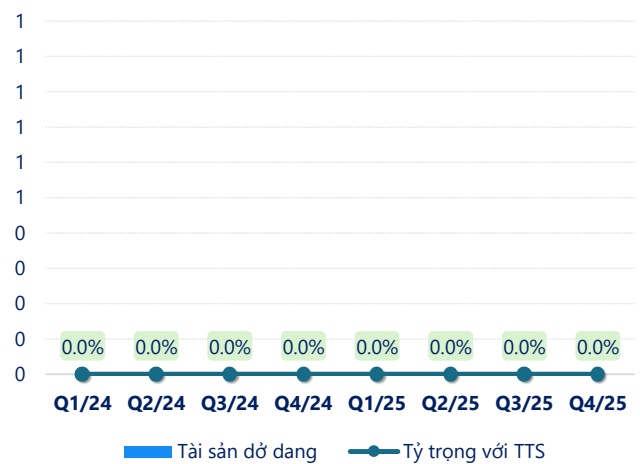
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

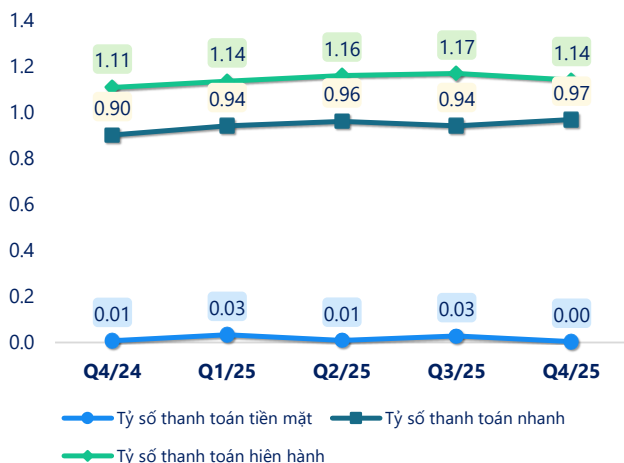
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

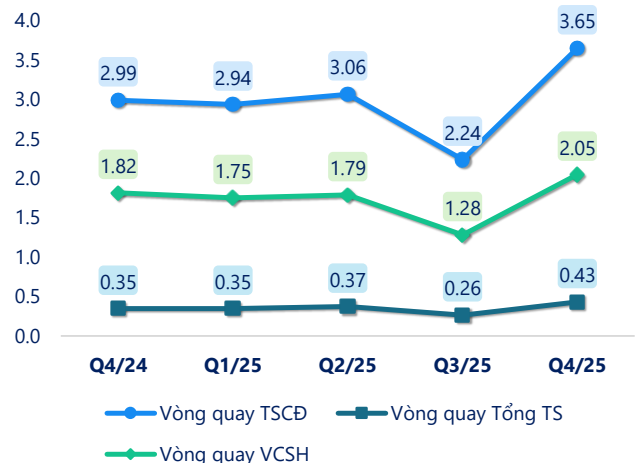
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	282	244	223	216	256
Tài sản ngắn hạn	249	212	191	185	224
Tiền và tương đương tiền	1.69	6.29	1.38	4.45	0.74
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	199	167	154	142	188
Hàng tồn kho	46.4	36.2	32.8	36.0	33.9
Tài sản ngắn hạn khác	1.63	2.07	2.30	1.99	1.77
Tài sản dài hạn	32.7	32.3	31.8	31.7	31.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	32.6	32.2	31.8	31.4	31.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.08	0.07	0.29	0.29
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	226	188	166	159	198
Nợ ngắn hạn	225	186	164	158	197
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.5	11.1	6.53	9.33	9.30
Phải trả người bán ngắn hạn	109	97.7	92.1	83.7	107
Nợ dài hạn	1.37	1.37	1.37	1.37	1.52
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	55.8	56.1	56.9	57.1	57.6
Vốn chủ sở hữu	55.8	56.1	56.9	57.1	57.6
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)